

Những bất cập chính sách liên quan đến Quy hoạch và Quản lý vùng nuôi

Đình Hữu Hoàng

Trung Tâm Chính Sách Chiến Lược NNNT miền Nam

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Mâu thuẫn

- ✳ Công tác thực hiện quy hoạch gặp nhiều khó khăn, khó thực hiện các chế tài trong quy hoạch, nguồn kinh phí chậm, không đủ để thực hiện, dẫn đến việc thực hiện quy hoạch chậm.
- ✳ Chính sách quy hoạch đề cập diện tích, năng suất, sản lượng trong khi chủ trương tái cơ cấu giao cho từng địa phương tự tìm ra sản phẩm chủ lực của mình.
- ✳ Người dân và một số DN phát triển diện tích nuôi không theo quy hoạch, phá vỡ quy hoạch. (Gọt giũa vừa chân>< mạnh dạn quy hoạch mới).

Mâu thuẫn

- TT 51 cần quy định rõ hơn thế nào là nhỏ lẻ, hiện nay quy định nhỏ lẻ là không có giấy ĐKKD là không phù hợp vì có nhiều hộ nuôi với diện tích lớn nhưng không ĐKKD → Đề xuất: Nên quy định nhỏ lẻ theo diện tích nuôi.
- TT 45 (chứng nhận cơ sở vùng nuôi), chỉ quy định điều kiện vùng nuôi và xếp loại cơ sở A, B, C chứ không cấp giấy chứng nhận cho cơ sở nhỏ lẻ (70-85%), chỉ cấp giấy chứng nhận cho cơ sở thâm canh (15%) → Đề xuất: Nên kiểm tra vùng nuôi cơ sở nhỏ lẻ.

Chồng chéo

- ✳ TT 45 quy định việc cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y. Các hộ nhỏ lẻ không cấp được vì không có giấy ĐKKD → không có giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y thì không được chứng nhận Vietgap → thiệt thòi cho người nuôi nhỏ lẻ.
- ✳ NĐ 59 (cơ sở SXKD phải có chứng chỉ đào tạo); NĐ 59 yêu cầu trình độ trung cấp còn TT 26 hướng dẫn thực hiện NĐ 59 đòi trình độ Đại học → bất cập và không phù hợp.

Mâu thuẫn

- Theo quy định thì mật độ thả là 30 – 40 con/m², thực tế thì thả cao hơn (gấp đôi) → việc quản lý diện tích và sản lượng là không có ý nghĩa do sản lượng luôn phá vỡ quy hoạch làm cho cơ quan quản lý khó dự đoán được sản lượng theo quy hoạch => là nguyên nhân chính gây ra tình trạng thừa cung trên thị trường.
- Quy định tỷ lệ rừng 60% chưa đáp ứng được, khó thực hiện. Chỉ có tiêu chuẩn Natolen quy định tỷ lệ rừng 50% có thể làm được. Tỷ lệ rừng của các Cty hiện nay chỉ đạt trên dưới 40%, tỷ lệ 50% chiếm tỷ lệ nhỏ. Cần xem xét lại lộ trình tăng tỷ lệ rừng cho phù hợp hơn.

Chồng chéo

- * TT41/2010/TT-BNNPTNT quy định việc kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản: Chi cục thú y thì quản lý về điều kiện thú y, trong khi Chi Cục Thủy sản thì quản lý điều kiện quản lý vùng nuôi => chồng chéo về mặt tổ chức, một hộ nuôi phải chịu sự quản lý của nhiều cơ quan.
- * Quy định muốn sản xuất tôm giống thể chân trắng thì vùng nuôi phải trong vùng quy hoạch của Bộ và năng suất phải đạt 500 triệu con/năm → Cà Mau không đáp ứng được vì Cà Mau không có điểm nào nằm trong vùng quy hoạch của Bộ (chỉ có quy hoạch của Tỉnh) → theo luật không được sản xuất tôm giống khi thực tế có thể sản xuất được tôm giống → mâu thuẫn với thực tế.

Chồng chéo

- ✳ TT 44 quy định mật độ nuôi cá tra thâm canh là 20 – 40 con/m², trong khi các hộ nuôi thả mật độ gấp 2 – 3 lần. Theo ND 36 thì cần phải có giấy chứng nhận đăng ký nuôi thương phẩm do chi cục thủy sản cấp thì cơ sở mới thu mua sản phẩm; trong giấy đăng ký nuôi thương phẩm thì yêu cầu đúng mật độ → vì vậy nếu Chi cục Thủy sản cấp thì sai quy định mà không cấp thì người dân không bán sản phẩm được. Đề xuất: Nên thay đổi quy định mật độ phù hợp với thực tế sản xuất (mật độ theo m³ thay vì m² ??)
- ✳ TT 44 quy định mực nước nuôi tối thiểu là 2m, trong khi TT 22 quy định là 3m → chồng chéo

Chồng chéo

- Một số diện tích chứng nhận Vietgap không nằm trong quy hoạch (đồng tháp, sau này tỉnh đã rà soát điều chỉnh) => đề nghị tuyệt đối không chứng nhận Vietgap khi không nằm trong quy hoạch.
- Các tổ chức chứng nhận Vietgap chỉ báo cáo cho Trung ương, mà không báo cáo cho địa phương → địa phương không nắm được.
- Các tiêu chí Vietgap khó thực hiện (Ví dụ cấp thoát riêng biệt, phải có ao lắng, hàng rào, tủ thuốc, phải qua đào tạo, WC, bình chữa cháy. Đề xuất (i) Xem xét điều chỉnh các tiêu chí, có thể bỏ nếu không phù hợp (ii) Chia ra làm hai nhóm, nhóm **tiêu chí bắt buộc** và nhóm **tiêu chí linh hoạt**. Các hộ nhỏ lẻ cần xem xét ưu tiên.

Mâu thuẫn

- Khó khi thực hiện Vietgap do (i) Sản phẩm đạt và không đạt Vietgap giá bán không khác nhau (ii) Chứng nhận xong chưa chắc đã bán được (iii) Thiếu chính sách hỗ trợ để duy trì khi đã đạt Vietgap => Đề xuất: (i) Nhà nước nên quy định các cơ sở nuôi tối thiểu đạt Vietgap và khi đã đạt được Vietgap thì nâng tiêu chuẩn Vietgap lên tầm quốc tế để có thể XK sang nhiều quốc gia. (ii) Có chính sách đảm bảo quyền lợi với người có thực hiện NTTS bền vững khác so với người không thực hiện.
- Các đơn vị thẩm định và công nhận Vietgap cũng đa dạng, có yêu cầu khác nhau và đưa ra các mức giá khác nhau. Các công ty chứng nhận xong không (hoặc ít) đến kiểm tra. Tuy nhiên khi chứng nhận xong tôm cũng không bán được. => (i) cần có chế tài đối với trách nhiệm của các công ty chứng nhận sai. (ii) cần thống nhất một mức giá thẩm định.

Mâu thuẫn

- TT 41(về vệ sinh thú y) → không thực hiện được nhưng nhờ có công văn 1471 của cục thú y (1471 hướng dẫn cho TT 36, nhưng TT 36 đã bỏ) mới thực hiện được TT 41.
- TT 44 và QĐ 0220 quy định tiêu chuẩn nước thải khác nhau → Đề xuất: Nên quy định 1 tiêu chuẩn chung về nước thải. Thực tế thì Ngành Tài nguyên môi trường đi kiểm tra thì áp dụng tiêu chuẩn 40 (2011) của Bộ Tài nguyên.
- Vấn đề ô nhiễm vùng nuôi/chế biến đối với DN vẫn đang bị buông lỏng. DN chịu phạt vẫn rẻ hơn rất nhiều lần bỏ chi phí xây dựng hệ thống xử lý thải.

Lỗi thời

- * Quy hoạch phát triển cá tra không dự đoán được sự phát triển của thời cuộc, theo thị trường (Vd: Cần thơ quy hoạch đến 2015 diện tích nuôi cá tra đạt 1.300ha nhưng chỉ đến 2008 – 2009 đã đạt được diện tích 1.300ha. Đồng Tháp: đến 2020 có 2.000 ha nuôi thủy sản nhưng đến nay đã đạt 1.900 ha.)
- * Quy hoạch thì quy định luôn cả về diện tích và sản lượng. Theo quy hoạch (đồng Tháp) thì diện tích nuôi là 12.500ha, năng suất là 400 tấn/ha, thực tế năng suất gấp đôi do người dân thả mật độ cao hơn → khó quản lý và bắt cập.

Lỗi thời

- * QĐ 01/2012/QĐ-TTg quy định hỗ trợ thực hành Vietgap, tuy nhiên chưa một địa phương nào nhận được hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương.
- * Vùng nuôi an toàn áp dụng cho cá tra và ba sa → áp dụng cho tôm không phù hợp; hoặc việc đánh mã số vùng nuôi áp dụng được cho cá tra nhưng không làm được đối với tôm do quy hoạch không đồng bộ, người nuôi thường phá vỡ quy hoạch.
→ Đề xuất: Cần có quy định riêng cho tôm.

Thiếu

- ✳ Chưa có chế tài xử lý đối với những đối tượng phá vỡ quy hoạch.
- ✳ Chưa ban hành công bố quy hoạch.
- ✳ TT32 thiếu các thông tin, quy định về phân rõ nhiệm vụ, và kinh phí quan trắc môi trường.
- ✳ Thiếu một văn bản tổng thể về nuôi – chế biến – xuất khẩu tôm nước lợ (tương tự NĐ 36 cho cá tra)

Thiếu

- ✳ Thiếu các cơ chế huy động vốn, huy động nguồn lực xã hội trong thực hiện quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng trong các đề án quy hoạch.
- ✳ Thiếu các quy hoạch mẫu: => cần có chính sách tư nhân nhảy vào quy hoạch khu nuôi tập trung (như kiểu khu công nghiệp) và cho người dân thuê lại để nuôi. Tiền giang: đã làm quy hoạch 500 ha đầu tư bài bản theo mô hình này. Hiện nay các DN rất tâm đắc với mô hình này (Vĩnh Hoàn).

Thiếu

- ✦ Thiếu dự báo, lồng ghép các kịch bản BĐKH, xâm nhập mặn vào quy hoạch vùng nuôi TS. (Theo kinh nghiệm thì độ mặn 18 – 20‰ là phù hợp, trên 30‰ làm tôm chậm lớn, không lột và nước phát sáng (trên mặt nước có màn hơi xanh là độ mặn cao và phát sáng)). Diện tích nuôi tôm càng xanh (Cần thơ) ngày càng thu hẹp do xâm nhập mặn, An Giang (Thoại Sơn, Tri Tôn).
- ✦ Chính sách về quy hoạch, quản lý vùng nuôi, dịch bệnh, vệ sinh môi trường nuôi cá bè trên sông chưa đầy đủ và đồng bộ.
- ✦ Các hộ gặp khó khăn trong việc chứng nhận Vietgap lần đầu => Có chính sách hỗ trợ trọn gói (gồm cả tư vấn, lấy mẫu và phí chứng nhận) cho việc chứng nhận lần đầu cho các hộ nuôi.

Xin cảm ơn!!!